

Số: 5481960

|                                                | New Mazda CX-8 2.5 Signature AWD               | PEUGEOT 408 LEGEND EDITION PREMIUM |
|------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                           | <b>1.149.000.000đ</b>                          | <b>1.139.000.000đ</b>              |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>                |                                                |                                    |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4900 x 1840 x 1730                             | 4687 x 1850 x 1510                 |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2930                                           | 2787                               |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5800                                           |                                    |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 200                                            | 189                                |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1850                                           | 1450                               |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 2445                                           | 1900                               |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 209                                            | 536                                |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 74                                             | 52                                 |
| Số chỗ ngồi                                    | 7                                              | 5                                  |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước                               | SX-LR trong nước                   |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>                   |                                                |                                    |
| Loại động cơ                                   | SkyActiv-G 2.5L                                | 1,6 Turbo PureTech                 |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 2488                                           | 1598                               |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 188 / 6000                                     | 218 / 5500                         |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 252 / 4000                                     | 300 / 2000                         |
| Hộp số                                         | 6AT                                            | 8AT                                |
| Hệ thống dẫn động                              | Hai cầu (AWD)                                  | Cầu trước (FWD)                    |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập Mc Pherson                             | Độc lập Mc Pherson                 |
| Hệ thống treo sau                              | Liên kết đa điểm                               | Bán Độc Lập                        |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                                            | Đĩa                                |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                                            | Đĩa                                |
| Thông số lốp xe                                | 225/55 R19                                     | 225/55 R18                         |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 13.38                                          | 9.2                                |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 7.34                                           | 5.7                                |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 9.58                                           | 7                                  |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | ●                                              | -                                  |
| Chế độ lái                                     | Normal - Sport - Offroad                       | Eco/Normal/Sport                   |
| Trang bị khác                                  | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao (GVC Plus) |                                    |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                             |                                                |                                    |
| Cụm đèn trước                                  | LED Projector                                  | LED                                |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                                              | ●                                  |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | Đèn thích ứng thông minh ALH                   | ●                                  |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ●                                              | -                                  |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | Mở rộng góc chiếu theo hướng đánh lái AFS      | -                                  |
| Đèn ban ngày LED                               | ●                                              | ● (Nanh Sư Tử)                     |
| Cụm đèn sau                                    | LED                                            | LED                                |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ● (Sấy gương)                                  | ●                                  |
| Gạt mưa tự động                                | ●                                              | ●                                  |
| Cửa sổ trời                                    | ●                                              | -                                  |

## NỘI THẤT - TIỆN NGHI:

|                                      |                            |            |
|--------------------------------------|----------------------------|------------|
| Vô lăng bọc da                       | ●                          | ●          |
| Chất liệu ghế                        | Da Nappa Nâu Đỏ            | Da Claudia |
| Ghế người lái chỉnh điện             | ●                          | ●          |
| Ghế người lái có nhớ vị trí          | ●                          | -          |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện | ●                          | ●          |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi     | ● (Vô lăng + Hàng ghế sau) | -          |
| Kính cửa sổ chỉnh điện               | ●                          | ●          |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin        | Analog & Digital 7"        | 10 Inch    |
| Màn hình HUD                         | ●                          | -          |
| Màn hình giải trí trung tâm          | 8"                         | 10 Inch    |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto   | ● (Không dây)              | ●          |
| Hệ thống điều hòa tự động            | ●                          | ●          |
| Số vùng khí hậu điều hòa             | 3                          | 2          |
| Cửa gió cho hàng ghế sau             | ●                          | ●          |
| Chìa khóa thông minh                 | ●                          | ●          |
| Khởi động nút bấm                    | ●                          | ●          |
| Hệ thống âm thanh                    | 10 loa Bose                | 6 loa      |
| Sạc không dây Qi                     | ●                          | ●          |
| Phanh đỗ điện tử                     | ●                          | ●          |
| Giữ phanh tự động Autohold           | ●                          | -          |
| Rèm che nắng                         | Chỉnh tay                  | -          |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX           | ●                          | ●          |

## AN TOÀN:

|                                                 |                                             |             |
|-------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------|
| Số túi khí                                      | 6                                           | 6           |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●                                           | ●           |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●                                           | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●                                           | ●           |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ●                                           | ●           |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●                                           | ●           |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●                                           | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●                                           | ●           |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●                                           |             |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | ●                                           |             |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Trước/Sau                                   | Trước & sau |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ●                                           | ●           |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ●                                           | ●           |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | ●                                           | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | ●                                           | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | ● (Trước và sau)                            | ●           |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng        | ● (MRCC - Stop & Go)                        | ●           |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp                   | ●                                           | ●           |
| Camera lùi                                      | ● (Camera 360)                              | ●           |
| Khác                                            | Hỗ trợ lái trên đường cao tốc và kẹt xe CTS |             |